

# SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

## BIỂN?

HOÀNG BÍCH HÀ



**B**ờ biển nước ta kéo dài trên 3.260km, đây là tiền đề cho phép hoạch định một chiến lược biển, phù hợp với xu thế phát triển của một quốc gia biển.

Biển thực sự là phần lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam, là di sản thiên nhiên của dân tộc, là chỗ dựa tinh thần và vật chất cho người dân Việt Nam hôm nay và mai sau.

Theo thống kê, mỗi ngày có hàng nghìn tấn rác được đổ trực tiếp ra biển, gây nên tình trạng ô nhiễm mặt nước ven biển xảy ra ngày càng nghiêm trọng. Tất cả những khách du lịch khi đi tham quan tới các bãi biển, làng đảo thì toàn bộ rác sinh hoạt đều thải trực tiếp xuống mặt biển mà chưa qua xử lý và rất khó thu gom. Biển và vùng bờ biển là nơi giàu có và đa dạng các loại hình tài nguyên, cũng như chứa đựng tiềm năng phát triển kinh tế đa dạng. Bởi vậy biển cũng là nơi tập trung sôi động các hoạt động phát triển của con người: Như các khu công nghiệp, khu chế xuất, các vùng nuôi thủy sản, các hoạt động cảng biển, hàng hải và du lịch được xây dựng ở những vùng biển nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch cho du khách trong và ngoài nước. Tỷ lệ tăng dân số ở vùng biển cũng thường cao hơn trung bình cả nước. Đi kèm với các hoạt động trên là sự gia tăng di dân tự do, tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên biển và hình thành thói quen tiêu thụ tài nguyên biển lãng phí. Kết quả đã gây sức ép rất lớn đến môi trường khu dân cư ven biển, làm suy giảm và suy thoái tài nguyên biển và vùng ven bờ. Trong khi vùng biển gần bờ nước ta hầu như còn rất ít tôm cá, thì cuộc sống của người dân và gia đình họ vẫn cần có cá hàng ngày để bán kiếm tiền phục vụ cuộc sống mưu sinh. Bản năng tồn tại vẫn buộc họ phải khai thác nhiều cá tôm hơn. Người ngư dân nghèo phải tăng cường khai thác cạn kiệt nguồn lợi để hy vọng tăng thêm thu nhập cho gia đình mình. Kết cục họ đã rơi vào một vòng luẩn quẩn: nhu cầu sinh kế - khai thác quá mức - cạn kiệt nguồn lợi - nghèo. Khác với người dân làm nghề nông nghiệp, cơ cấu khu vực dân cư ở vùng biển là người dân đến từ nhiều nơi, thậm chí có một bộ phận dân cư ngoài đất Việt. Họ vốn là

những người nghèo, chấp nhận xa quê đến vùng ven biển hoặc các đảo nước ta tìm kế sinh nhai. Họ tụ tập thành các “vạn chài”, đối mặt hàng ngày với tính khốc liệt của biển cả, sống với sóng nước và cột chạt cuộc đời với con thuyền, nên tư duy người vạn chài hết sức giản đơn, xem sản vật bắt được là sự ban tặng của biển. Cứ thế, khái niệm bảo vệ nguồn lợi và môi trường biển dường như vẫn còn xa vời đối với họ.

Tập quán và phong tục sống của cư dân ven biển nói chung và ngư dân nói riêng đến nay còn lạc hậu, trình độ học vấn thấp hơn so với thành phố và những vùng đồng bằng do không có điều kiện học tập. Cũng vì thế mà nhận thức về môi trường và tài nguyên biển của đại bộ phận dân cư ở đây vẫn còn thấp. Hành vi và cách ứng xử của họ với các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên rất hạn chế, chưa thành thói quen tự giác. Thực tế quản lý cho thấy, không thay đổi nhận thức của người dân, không cải thiện sinh kế cho họ, không lôi cuốn được họ tham gia vào quá

trình quản lý, thì tài nguyên và môi trường biển tiếp tục bị xâm hại khai thác một cách huỷ diệt. Do vậy, quản lý môi trường và tài nguyên biển, không phải là quản lý tập trung vào “con cá, con tôm” mà là quản lý hành vi của con người và điều chỉnh các hành động phát triển của chính con người!

Bảo vệ môi trường biển đang là tiếng chuông cảnh báo cho các ngành các cấp quản lý. Nhưng yếu tố quan trọng nhất vẫn là sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương ở những vùng biển đảo, để họ tiến hành tham gia một cách tự giác. Cộng đồng địa phương vừa là người hưởng thụ tài nguyên, vừa là một trong những chủ thể quản lý, có kiến thức bản địa, hiểu được nguyện vọng và công việc của chính họ. Lôi cuốn cộng đồng địa phương vào quản lý tài nguyên biển chính là góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Chính phủ về tăng cường dân chủ ở cơ sở với nguyên tắc dân làm chủ.

**H.B.H**